

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2074/BVHTTDL-ĐA

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2014

V/v góp ý dự thảo Đề án xây dựng cơ
chế hỗ trợ đặc thù trong lĩnh vực điện ảnh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH	
Số: 2215	
ĐẾN Ngày: 30.6.14	
Chuyên: VP Văn hóa - T.ĐA	

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Thông báo số 237/TB-VPCP ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại cuộc họp về cơ chế chính sách thúc đẩy văn học, nghệ thuật thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai thực hiện việc xây dựng dự thảo Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị”.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo văn bản, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Quý cơ quan góp ý dự thảo Đề án để Bộ tổng hợp, hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Ý kiến đóng góp xin gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước 03/7/2014 qua Cục Điện ảnh - 147 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội; Fax: (04) 3823 4997; ĐT: (04) 3845 4804. / *As*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐA(1), QA.200.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vương Duy Biên

Số: /TTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

TỜ TRÌNH

Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị”

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Thông báo số 237/TB-VPCP ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại cuộc họp về cơ chế chính sách thúc đẩy văn học, nghệ thuật thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 2658/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 8 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thông báo số 237/TB-VPCP, trong đó chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan xây dựng Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị”.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các Bộ, Ban, ngành vào Đề án, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ra quyết định phê duyệt Đề án gồm những nội dung chính sau:

1. Cơ sở, căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

Việc xây dựng Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị” nhằm tiếp tục triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước qua các văn bản:

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (năm 1998) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”; Kết luận của Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (năm 2004);

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước với 5 quan điểm chỉ đạo và 6 nhiệm vụ chủ yếu;

- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 và Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12;

- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

- Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012-2020”;

- Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 và Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Mục tiêu của Đề án

2.1. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo gồm:

- Cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo;

- Cơ chế chính sách đặc thù cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

2.2. Xây dựng và triển khai cơ chế chính sách nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị hàng năm.

- Nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (gồm các thể loại: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình).

- Nhà nước thực hiện đặt hàng sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

3. Phạm vi đối tượng

- Các đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu phim và Trung tâm Điện ảnh các tỉnh, thành phố làm nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Các đơn vị sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (đơn vị sự nghiệp hoặc Công ty TNHH MTV) thuộc các Bộ, ngành, địa phương quản lý.

4. Nội dung dự án

4.1. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất

a) Cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho một số đội chiếu phim lưu động nhằm tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Nhà nước đầu tư trang thiết bị phù hợp cho 259 Đội chiếu phim lưu động (trên tổng số 294 đội) do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý và các đội chiếu phim lưu động do lực lượng quân đội quản lý (Bộ Quốc phòng xây dựng phương án riêng) gồm:

+ Thiết bị chiếu phim (máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số);

+ Phương tiện vận chuyển cơ giới;

+ Thiết bị chuyên dụng khác.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công nhân làm công tác chiếu phim lưu động.

b) Về cơ chế chính sách cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch về chế độ chính sách đặc thù hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Hàng năm nhà nước bố trí ngân sách trợ giá phát hành và phổ biến phim thông qua các hoạt động: in ấn bản phim, in ấn tài liệu tuyên truyền, tổ chức các tuần phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thông qua hoạt động của các Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng và các đội chiếu phim lưu động trên phạm vi cả nước.

- Hàng năm nhà nước bố trí ngân sách đặt hàng thực hiện các buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị theo hình thức hỗ trợ chi phí buổi chiếu phim.

4.2. Về cơ chế chính sách nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị

- Để đạt được các chỉ tiêu của Chiến lược và Quy hoạch phát triển Điện ảnh đến năm 2020 và những định hướng về văn hóa, chính trị, xã hội, kinh tế:

+ Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị (theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013) cho các đơn vị sản xuất phim thuộc các Bộ, ngành quản lý; địa phương được bố trí ngân sách đặt hàng sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương;

+ Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình cho các cơ sở sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị do ngành văn hóa, thể thao và du lịch

quản lý; địa phương được bố trí ngân sách đặt hàng sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

- Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (được thay thế dần bằng chương trình kỹ thuật số) phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa theo phương thức đặt hàng từ kịch bản đến sản xuất và in hàng loạt.

5. Thời gian thực hiện Đề án

- Nội dung về đầu tư thiết bị chiếu phim, trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng được thực hiện trong 03 năm từ 2015 đến 2017.

- Các nội dung còn lại của đề án thực hiện trong giai đoạn từ 2015-2020 và được cấp kinh phí thực hiện trong hạn mức kinh phí đã được phê duyệt theo khả năng đáp ứng của ngân sách trung ương và địa phương.

6. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án và Tổng mức kinh phí đầu tư

Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa - thông tin hàng năm ở Trung ương và địa phương. Tổng kinh phí đầu tư gồm:

a) Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho một số đội chiếu phim lưu động làm nhiệm vụ các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Kinh phí đầu tư thiết bị chiếu phim (máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số), trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng giai đoạn 2015-2017 cho đội chiếu phim lưu động thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý dự kiến là 114.750 triệu đồng. Các đội chiếu phim lưu động thuộc Bộ Quốc phòng có phương án riêng trình các Bộ, ngành và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Kinh phí đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công nhân làm công tác chiếu phim lưu động từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương là 2 - 2,5 tỷ đồng/năm.

b) Kinh phí đầu tư cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Kinh phí triển khai thực hiện Thông tư liên tịch về chế độ chính sách đặc thù đối cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn từ nguồn ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở địa phương từ 25 - 30 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí thực hiện đặt hàng các buổi chiếu phim theo hình thức hỗ trợ chi phí buổi chiếu phim: Trung ương từ 5 - 10 tỷ đồng/năm; địa phương từ 5 - 10 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí thực hiện các hoạt động in ấn bản phim, tài liệu tuyên truyền tổ chức các tuần phim phục vụ nhiệm vụ chính trị: Trung ương từ 2-3 tỷ đồng/năm.

c) Kinh phí hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Kinh phí đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị: Trung ương 60-100 tỷ đồng/năm; địa phương 50-80 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí đặt hàng sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình: Trung ương 25-40 tỷ đồng/năm; địa phương 15-20 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (được thay thế dần bằng các chương trình kỹ thuật số) phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa: Trung ương 3-4 tỷ đồng/năm; địa phương 2-3 tỷ đồng/năm.

Việc xây dựng Đề án là sự cụ thể hóa của ngành Điện ảnh trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “về việc tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của Nhà nước trong tiến trình phát triển ngành điện ảnh thông qua các chính sách đầu tư, chính sách thuế và các chính sách khác trong các khâu sản xuất, phát hành, phổ biến phim cũng như có chính sách hỗ trợ đặt thù từ ngân sách nhà nước cho các đội chiếu phim lưu động tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ nhiệm vụ chính trị. Với ý nghĩa và mục đích thiết thực nói trên, Bộ Văn hóa Thể thao và Du Lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Vương Duy Biên;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ban Tuyên giáo TW (để báo cáo);
- Bộ:TC;KH&ĐT;TT&TT;QP (để phối hợp);
- Đài Truyền hình VN;
- Lưu: VT, ĐA(2), DH.20.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vương Duy Biên

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**TỔNG HỢP NỘI DUNG TIẾP THU, BỔ SUNG SỬA ĐỔI ĐỀ ÁN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐÀU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHIM
TỚI CÁC VÙNG SÂU, VÙNG XA, VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, BIỂN GIỚI, HẢI ĐẢO VÀ HỖ TRỢ SẢN XUẤT PHIM
PHỤC VỤ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN**
(Ban hành theo Tờ trình số /TTr-BVHTTDL ngày /2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

NỘI DUNG CHỈ ĐẠO/ ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG SỬA ĐỔI	TIẾP THU/ BẢO LƯU	LÝ DO
I. Ý kiến của Ủy ban Dân tộc miền núi.		
1. Tại tại Công văn số		
-		
II. Ý kiến của Ban Tuyên giáo Trung ương.		
1. Tại tại Công văn số		
-		
II. Đề nghị bổ sung sửa đổi của các Bộ		
<i>a) Bộ Thông tin và Truyền thông</i>		
-		
<i>b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>		
-		
<i>c) Bộ Tài chính</i>		
-		
<i>d) Bộ ...</i>		
-		

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 và Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012-2020”; Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số/TTr-BVHTTDL ngày tháng năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị” với những nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu của Đề án

1.1. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo gồm:

- Cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Cơ chế chính sách đặc thù cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

1.2. Xây dựng và triển khai cơ chế chính sách nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị hàng năm.

- Nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (gồm các thể loại: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình).

- Nhà nước thực hiện đặt hàng sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Phạm vi đối tượng:

- Các đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu phim và các Trung tâm Điện ảnh các tỉnh, thành phố làm nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Các đơn vị sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (đơn vị sự nghiệp hoặc Công ty TNHH MTV) thuộc các Bộ, ngành, địa phương quản lý.

3. Nội dung, giải pháp thực hiện

3.1. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất.

a) Cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho một số đội chiếu phim lưu động nhằm tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Nhà nước đầu tư trang thiết bị phù hợp cho 259 Đội chiếu phim lưu động (trên tổng số 294 đội) do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý và các đội chiếu phim lưu động do lực lượng quân đội quản lý (Bộ Quốc phòng xây dựng phương án riêng) gồm:

+ Thiết bị chiếu phim (máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số).

+ Phương tiện vận chuyển cơ giới

+ Thiết bị chuyên dụng khác.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công nhân làm công tác chiếu phim lưu động.

b) Về cơ chế chính sách cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch về chế độ chính sách đặc thù hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Hàng năm nhà nước bố trí ngân sách trợ giá phát hành và phổ biến phim thông qua các hoạt động: in ấn bản phim, in ấn tài liệu tuyên truyền, tổ chức các tuần phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thông qua hoạt động của các Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng và các đội chiếu phim lưu động trên phạm vi cả nước.

- Hàng năm nhà nước bố trí ngân sách đặt hàng thực hiện các buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị theo hình thức hỗ trợ chi phí buổi chiếu phim.

3.2. Về cơ chế chính sách nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Để đạt được các chỉ tiêu của Chiến lược và Quy hoạch phát triển Điện ảnh đến năm 2020 và những định hướng về văn hóa, chính trị, xã hội, kinh tế:

+ Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị (*theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013*) cho các đơn vị sản xuất phim thuộc các Bộ, ngành quản lý; địa phương được bố trí ngân sách đặt hàng sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

+ Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình cho các cơ sở sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý; địa phương được bố trí ngân sách đặt hàng sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

- Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (được thay thế dần bằng chương trình kỹ thuật số) phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa theo phương thức đặt hàng từ kịch bản đến sản xuất và in hàng loạt.

4. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án và Tổng mức kinh phí đầu tư

Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn kinh phí sự nghiệp văn hóa - thông tin hàng năm ở Trung ương và địa phương. Tổng kinh phí đầu tư gồm:

a) Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho một số đội chiếu phim lưu động làm nhiệm vụ các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Kinh phí đầu tư thiết bị chiếu phim (máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số), trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng giai đoạn 2015-2017 cho đội chiếu phim lưu động thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý dự kiến là 114.750 triệu đồng. Các đội chiếu phim lưu động thuộc Bộ Quốc phòng có phương án riêng trình các Bộ, ngành và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Kinh phí đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công nhân làm công tác chiếu phim lưu động từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương là 2 - 2,5 tỷ đồng/năm.

b) Kinh phí đầu tư cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị

- Kinh phí triển khai thực hiện Thông tư liên tịch về chế độ chính sách đặc thù đối cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn từ nguồn ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở địa phương từ 25 - 30 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí thực hiện đặt hàng các buổi chiếu phim theo hình thức hỗ trợ chi phí buổi chiếu phim: Trung ương từ 5 - 10 tỷ đồng/năm; địa phương từ 5 - 10 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí thực hiện các hoạt động in ấn bản phim, tài liệu tuyên truyền tổ chức các tuần phim phục vụ nhiệm vụ chính trị: Trung ương từ 2-3 tỷ đồng/năm.

c) Kinh phí hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Kinh phí đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị: Trung ương 60-100 tỷ đồng/năm; địa phương 50-80 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí đặt hàng sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình: Trung ương 25-40 tỷ đồng/năm; địa phương 15-20 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (được thay thế dần bằng các chương trình kỹ thuật số) phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa: Trung ương 3-4 tỷ đồng/năm; địa phương 2-3 tỷ đồng/năm.

5. Thời gian thực hiện Dự án

- Nội dung về đầu tư thiết bị chiếu phim, trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng được thực hiện trong 03 năm từ 2015 đến 2017.

- Các nội dung còn lại của đề án thực hiện trong giai đoạn từ 2015-2020 và được cấp kinh phí thực hiện trong hạn mức kinh phí đã được phê duyệt theo khả năng đáp ứng của ngân sách trung ương và địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Đề án;

- Chịu trách nhiệm và chỉ đạo về mặt chuyên môn đáp ứng tiêu chí về định mức kinh tế kỹ thuật ngành.

- Hàng năm thực hiện kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; kịp thời kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan đến việc triển khai thực hiện Đề án.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính xác định nhiệm vụ và nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho điện ảnh, cân đối vốn và các nguồn lực khác cho Đề án.

3. Giao Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bố trí kinh phí triển khai thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng chế độ chính sách đặc thù đối cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Giao Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, thẩm định tổng nguồn kinh phí, phân kỳ nguồn kinh phí giai đoạn 2015-2020 cho các nội dung thuộc Đề án có liên quan;

5. Giao Ủy ban Dân tộc:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ quốc phòng, Bộ Tài chính trong việc đánh giá, kiểm tra giám sát việc thực hiện Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và kịp thời phát hiện, đề xuất bổ sung sửa đổi những mặt còn hạn chế, thiếu sót.

- Làm tốt công tác vận động, tuyên truyền đến các đối tượng thụ hưởng là cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, biên giới hải đảo hiểu và tiếp nhận chính sách ưu đãi của đề án, tránh để kẻ xấu lợi dụng.

6. Giao Bộ Thông tin và Truyền thông và Đài truyền hình Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo và làm tốt công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân, mọi thành phần kinh tế hiểu rõ chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước qua chính sách đầu tư trang thiết bị cho một số đội chiếu phim lưu động và hỗ trợ hoạt động sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

7. Giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Ra quyết định phê duyệt tổng nguồn kinh phí, phân kỳ nguồn kinh phí giai đoạn 2015-2020 cho các nội dung thực hiện Đề án ở địa phương từ nguồn kinh phí địa phương quản lý.

- Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố:

- Chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố rà soát, thẩm định ra quyết định phê duyệt tổng nguồn kinh phí, phân kỳ nguồn kinh phí giai

đoạn 2015-2020 cho các nội dung thực hiện Đề án ở địa phương từ nguồn kinh phí địa phương quản lý.

- Giúp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, báo cáo định kỳ tình hình thực hiện hàng năm và kiến nghị đề xuất

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, các Bộ ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quốc phòng, Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ: KTTH, ĐP, TH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).KN

Nguyễn Tấn Dũng

**ĐẦU TƯ THIẾT BỊ CHIẾU PHIM, TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN
VẬN CHUYỂN CƠ GIỚI CHUYÊN DỤNG**

Số TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí
1	Máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số (1 hệ thống/đội)	Hệ thống	259	64.750.000.000
2	Ô tô chiếu phim lưu động (1 chiếc/tỉnh)	Chiếc	50	45.000.000.000
3	Khác (thiết bị lồng tiếng, máy nổ, xe máy, xuồng...)			5.000.000.000
	Tổng cộng:			114.750.000.000

(Bằng chữ: *Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn*)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CÁC ĐỘI CHIẾU BÓNG LƯU ĐỘNG NHẬN HỖ TRỢ
TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng	Ghi chú
1	An Giang	1	
2	Bắc Giang	3	
3	Bắc Kạn	8	
4	Bạc Liêu	2	
5	Bắc Ninh	3	
6	Bến Tre	2	
7	Bình Định	10	
8	Bình Phước	6	
9	Bình Thuận	5	
10	Cần Thơ	2	
11	Cao Bằng	9	
12	Đắk Lắk	3	
13	Đắk Nông	1	
14	Điện Biên	7	
15	Đồng Tháp	2	
16	Gia Lai	3	
17	Hà Giang	12	
18	Hà Nam	1	
19	Hà Tĩnh	4	
20	Hải Dương	3	
21	Hậu Giang	2	
22	Điện ảnh Sài Gòn	1	
23	Hòa Bình	7	
24	Hưng Yên	2	
25	Khánh Hòa	6	
26	Kiên Giang	3	
27	Kon Tum	10	

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng	Ghi chú
28	Lai Châu	9	
29	Lâm Đồng	3	
30	Lạng Sơn	10	
31	Lào Cai	2	
32	Long An	2	
33	Nam Định	3	
34	Nghệ An	3	
35	Ninh Bình	3	
36	Ninh Thuận	3	
37	Phú Thọ	6	
38	Phú Yên	5	
39	Quảng Bình	5	
40	Quảng Nam	9	
41	Quảng Ngãi	7	
42	Quảng Trị	2	
43	Sóc Trăng	1	
44	Sơn La	26	
45	Tây Ninh	3	
46	Thái Bình	2	
47	Thái Nguyên	4	
48	Thanh Hóa	8	
49	Thừa Thiên Huế	3	
50	Tiền Giang	3	
51	Trà Vinh	1	
52	Tuyên Quang	8	
53	Vĩnh Long	1	
54	Vĩnh Phúc	3	
55	Yên Bái	6	
	Tổng	259	

ĐỀ ÁN

Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị

Thực hiện Thông báo số 237/TB-VPCP ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại cuộc họp về cơ chế chính sách thúc đẩy văn học, nghệ thuật; Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 2658/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 8 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thông báo số 237/TB-VPCP, trong đó chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan xây dựng Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị” gồm các nội dung chính sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Điện ảnh có một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa xã hội, có tác dụng lớn trong việc định hướng giáo dục chính trị, tư tưởng và thẩm mỹ cho công chúng, đồng thời, điện ảnh là mũi nhọn của ngành văn hóa tư tưởng. Hơn sáu thập kỷ qua, Điện ảnh Cách mạng Việt Nam luôn làm tròn sứ mệnh thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đóng góp lớn trong quá trình đấu tranh cách mạng giành độc lập, tự do của dân tộc, xây dựng đất nước đổi mới, hội nhập quốc tế.

Trong lĩnh vực văn hóa, Nhà nước đã có Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị... và gần đây nhất là Nghị quyết Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tuy nhiên, chủ trương xây dựng, phát triển nền kinh tế của đất nước theo cơ chế thị trường định hướng XHCN thì ngoài một số mặt tích cực, năng động, đã tồn tại, xuất hiện nhiều mặt trái, tác động tiêu cực đến sự phát triển của điện ảnh, đặc biệt là xu hướng chạy theo lợi nhuận, “chụp giật” đã làm nghiệp dư hóa hoạt động điện ảnh. Trong khi một số nước trong khu vực đang xây dựng nền công nghiệp điện ảnh một cách khá bài bản thì điện ảnh Việt Nam lại thiếu đồng bộ, thiếu chuyên nghiệp. Sự đầu tư ngày càng hạn chế của Nhà nước vào sáng tác, sản xuất và phổ biến phim khiến

cho chất “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” của tác phẩm điện ảnh có sự phai nhạt trong những năm gần đây.

Những năm gần đây, hoạt động phổ biến phim tại rạp chủ yếu do các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài điều tiết và chi phối. Việc nhập khẩu phim gắn với phát hành và quản lý rạp đã tạo nên sự cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến việc áp đặt giá thuê phim, điều kiện đưa phim vào rạp..., vì thế cũng ảnh hưởng lớn đến việc phát hành các bộ phim của Nhà nước. Mức hưởng thụ điện ảnh giữa thành thị và nông thôn có sự chênh lệch lớn do các công ty nước ngoài, công ty tư nhân chỉ đầu tư xây dựng rạp và kinh doanh ở các thành phố lớn. Các trung tâm điện ảnh tại các địa phương với trang thiết bị và cơ sở vật chất hầu hết đều cũ, lạc hậu, chỉ có thể chiếu phim nhựa 35mm, trong khi cả thế giới đã chuyển sang chiếu phim kỹ thuật số. Nguồn phim hạn chế và bị động, phụ thuộc vào các nhà phát hành tư nhân và nước ngoài. Vì vậy, khán giả ở các địa phương, đặc biệt là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo ít có điều kiện được thưởng thức các tác phẩm điện ảnh.

Công tác chiếu phim tại các địa phương chủ yếu vẫn là hoạt động của 315 đội chiếu phim lưu động (*năm 2012 có 315 đội, năm 2013 giảm còn 294 đội*), luôn là đội quân xung kích quan trọng làm nhiệm vụ đưa phim, các chương trình điện ảnh, băng hình miền núi phục vụ khán giả đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước phục vụ công tác biển đảo, phục vụ các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn của đất nước và trở thành một đội quân, phương tiện làm nhiệm vụ rút ngắn được khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền.

Ngày nay, mặc dù phương tiện truyền hình đã được phủ kín qua vệ tinh đến mọi vùng miền của Tổ quốc. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, sự tồn tại và phát triển của 294 đội chiếu phim lưu động có thể khẳng định là một tồn tại khách quan để làm nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước một cách có hiệu quả mà các lực lượng phương tiện khác không thể thay thế được, kể cả phương tiện truyền hình. Trong các sự kiện, điểm nóng về chính trị từng xảy ra tại Thái Bình, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Mường Nhé, ... các đội chiếu phim lưu động đã và luôn phát huy được sức mạnh, giá trị trong việc đấu tranh chống sự lôi kéo của các thế lực thù địch, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Mặt khác, các buổi chiếu phim lưu động đã trở thành một nét sinh hoạt văn không thể thiếu ở các vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đồng thời tạo nên sự gắn kết, tin tưởng, thắm tình đoàn kết các dân tộc sinh sống trên địa bàn dân cư.

Việc xây dựng Đề án là sự cụ thể hóa của ngành Điện ảnh trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “về việc tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới” và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của

Nhà nước trong tiến trình phát triển ngành điện ảnh thông qua các chính sách đầu tư, chính sách thuế và các chính sách khác trong các khâu sản xuất, phát hành, phổ biến phim cũng như có chính sách hỗ trợ đặt thù từ ngân sách nhà nước cho các đội chiếu phim lưu động tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ nhiệm vụ chính trị.

2. Cơ sở, căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

Việc xây dựng Đề án “Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị” nhằm tiếp tục triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước qua các văn bản:

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (năm 1998) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”; Kết luận của Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (năm 2004);

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước với 5 quan điểm chỉ đạo và 6 nhiệm vụ chủ yếu;

- Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 và Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12;

- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

- Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (*nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật*) giai đoạn 2012-2020”;

- Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 và Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược và Quy hoạch phát triển Điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Thực trạng và tính cấp thiết phải xây dựng đề án

3.1 Thực trạng các đội chiếu phim lưu động do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý:

Trong những năm qua, ngành văn hóa, thể thao và du lịch đã quản lý, duy trì một hệ thống 315 đội chiếu phim lưu động thuộc các Trung tâm Phát hành

phim và chiếu bóng, Trung tâm Văn hóa - điện ảnh, Trung tâm Điện ảnh, Trung tâm Văn hóa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm nhiệm vụ chiếu phim phục vụ đồng bào nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa biên giới, biển đảo.

Giai đoạn trước năm 2010, việc đầu tư cho khâu phổ biến phim nói chung, công tác chiếu phim lưu động nói riêng được thực hiện thông qua mục tiêu phát triển điện ảnh thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia về văn hóa.

Từ năm 2011, mục tiêu phát triển điện ảnh không được đưa vào Chương trình Mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2011-2015, công tác chiếu phim lưu động gặp rất nhiều khó khăn. Đặc biệt, trong năm 2013-2014, khi công nghệ sản xuất phim trên thế giới chuyển nhanh từ phim nhựa sang phim kỹ thuật số, kết quả Nhà nước cũng không còn nhiều nguồn phim nhựa để cung cấp cho hoạt động của đội chiếu phim lưu động, cũng như không có kinh phí để đầu tư thiết bị cho chiếu phim kỹ thuật số.

Hoạt động phổ biến, phát hành phim diễn ra rất mạnh ở các thành phố, đô thị lớn trên phạm vi cả nước cho một nhóm đối tượng có nhu cầu hưởng thụ cao. Tuy nhiên, đối với đại đa số người dân sống tại các vùng miền, địa phương trên phạm vi cả nước thì người dân lại được thụ hưởng hoạt động phổ biến, phát hành phim vẫn chủ yếu là thông qua hoạt động chiếu phim của 315 (theo số liệu thống kê năm 2012 có 315 đội; năm 2013 còn 294 đội chiếu phim lưu động) đội chiếu phim lưu động. Hàng năm các đội chiếu phim lưu động ở các địa phương đã phục vụ được khoảng 51.000 buổi chiếu với khoảng 12.000.000 lượt người xem. Mặc dù hoạt động của các đội chiếu phim lưu động vẫn còn gặp nhiều khó khăn do kinh phí cấp cho từng buổi chiếu còn thấp, biên chế hạn hẹp và ít được đào tạo, thiếu nguồn phim, thiếu trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện vận chuyển, nhưng đội chiếu phim lưu động vẫn là đội quân xung kích tại địa phương làm nhiệm vụ đưa các tác phẩm điện ảnh đến phục vụ khán giả mà còn kết hợp với các cơ quan truyền thông của địa phương làm nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thực trạng hệ thống các đội chiếu phim lưu động thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch như sau:

a) Số lượng đội chiếu phim lưu động và số lượng buổi chiếu phim lưu động trong các giai đoạn:

Theo số liệu thống kê năm 2012:

- Tổng số đội chiếu phim lưu động cả nước là: 315 đội, trong đó:
 - + Đội chiếu phim nhựa lưu động là 315 đội
 - + Số đội chiếu phim nhựa lưu động kết hợp chiếu phim video là 127 đội
- Tổng số buổi chiếu của đội chiếu phim lưu động trên cả nước là: 54.401 buổi chiếu, trong đó:
 - + Số buổi chiếu phim nước ngoài: 6.219 buổi chiếu
 - + Số buổi chiếu phim Việt Nam: 48.172 buổi chiếu

- Tổng số người xem đội chiếu phim lưu động phục vụ trên cả nước là: 12.729.406 người, trong đó:
 - + Số người xem phim nước ngoài: 1.287.728 người
 - + Số người xem phim Việt Nam: 11.390.663 người
 - Tổng số điểm chiếu của đội chiếu phim lưu động là: 25.204 điểm.
- Số liệu thống kê năm 2013 (Chi tiết trong *Phụ lục 1* kèm theo).

b) Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn phim phục vụ công tác chiếu phim lưu động:

Được sự quan tâm của Nhà nước, Chương trình Mục tiêu quốc gia về văn hóa với Mục tiêu phát triển điện ảnh từ 1994 đến 2010 (gồm 3 giai đoạn: 1994-2000; 2001-2005 và 2006-2010) đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành điện ảnh:

- Xây dựng và cải tạo rạp (cho giai đoạn 1994-2000) là 44 rạp, với số kinh phí được đầu tư là 23.570 triệu đồng.

- Trang bị máy chiếu phim nhựa 35 mm âm thanh lập thể là 65 máy, với số kinh phí được đầu tư là 34.085 triệu đồng.

- Trang bị máy chiếu phim nhựa 35 mm lưu động (cho giai đoạn 2001-2005 và 2006-2010) là 180 máy, với số kinh phí được đầu tư là 16.460 triệu đồng.

- Trang bị máy chiếu video 300 inchs (cho giai đoạn 1994-2000) là 35 máy, với số kinh phí được đầu tư là 7.967 triệu đồng.

- Trang bị máy chiếu video 100 inchs là 427 máy, với số kinh phí được đầu tư là 24.734 triệu đồng.

- Trang thiết bị lồng tiếng dân tộc là 27 bộ máy, với số kinh phí được đầu tư là 3.592 triệu đồng.

- Trang bị ô-tô chuyên dùng chiếu phim lưu động (giai đoạn 2006-2010) là 45 chiếc, với số kinh phí được đầu tư là 15.750 triệu đồng.

- Đầu tư cho công tác đào tạo là 5.282 triệu đồng.

(Chi tiết trong *Phụ lục 2* kèm theo)

Đến nay số trang thiết bị phục vụ chiếu phim tại địa phương còn hoạt động gồm (*Theo báo cáo của 44 địa phương/tổng số 63 địa phương; còn 19 địa phương chưa có báo cáo*):

- Máy chiếu video: 178 máy
- Máy chiếu phim nhựa: 87 máy
- Máy nổ: 32 máy
- Ô tô: 51 chiếc
- Xe máy: 27 chiếc

(Chi tiết trong *Phụ lục 3* kèm theo)

3.2 Thực trạng các đội chiếu phim lưu động do các Bộ, ngành quản lý (ngoài ngành văn hóa, thể thao và du lịch):

Các đội chiếu phim lưu động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ nhiệm vụ chính trị do các Bộ, ngành quản lý thực chất gồm 02 lực lượng chính như sau:

- Phát hành phim quân đội là đơn vị có nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền những tác phẩm điện ảnh do hãng phim quân đội sản xuất; ngoài ra, đơn vị còn mua những tác phẩm điện ảnh của các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sản xuất để phục vụ chiếu phim cho các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang theo kế hoạch hàng năm của Bộ Quốc phòng.

- Các đội chiếu phim lưu động thuộc quân đội hàng năm được đầu tư từ nguồn kinh phí của Bộ Quốc phòng bao gồm cả chi phí đầu tư thiết bị chiếu phim, phương tiện vận chuyển, chi phí mua bản phim... nhằm đảm bảo các buổi chiếu phục vụ các cán bộ chiến sĩ.

Phát hành phim quân đội và các đội chiếu phim lưu động thuộc quân đội là các lực lượng, đơn vị làm nhiệm vụ, hoạt động theo sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam nên chi tiết về thực trạng không được đề cập chi tiết trong đề án.

3.3 Thực trạng về hỗ trợ của nhà nước cho sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị:

Thống kê nhà nước cấp kinh phí sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị giai đoạn 2011 - 2014 như sau:

- Năm 2011 tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ là 65.000 triệu đồng, trong đó:

+ Sản xuất phim truyện	47.400	triệu đồng
+ Sản xuất phim tài liệu, khoa học	10.724	-
+ Sản xuất phim hoạt hình	6.876	-
+ Phát hành và phổ biến phim	0	-
- Năm 2012 tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ là 65.230 triệu đồng, trong đó:

+ Sản xuất phim truyện	48.000	triệu đồng
+ Sản xuất phim tài liệu, khoa học	9.080	-
+ Sản xuất phim hoạt hình	7.450	-
+ Phát hành và phổ biến phim	700	-
- Năm 2013 tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ là 65.540 triệu đồng, trong đó:

+ Sản xuất phim truyện	45.000	triệu đồng
+ Sản xuất phim tài liệu, khoa học	9.440	-
+ Sản xuất phim hoạt hình	10.400	-
+ Phát hành và phổ biến phim	700	-
- Năm 2014 tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ là 65.600 triệu đồng, trong đó:

+ Sản xuất phim truyện	45.000	triệu đồng
+ Sản xuất phim tài liệu, khoa học	9.532	-
+ Sản xuất phim hoạt hình	10.318	-

Số lượng thống kê cho thấy, kinh phí nhà nước cấp hàng năm còn quá nhỏ bé so với nhu cầu cũng như nếu không có sự thay đổi trong cơ chế chính sách thì ngành văn hóa, thể thao và du lịch không đảm bảo được chỉ tiêu sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Chiến lược và Quy hoạch phát triển Điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đồng thời phim ngoại, phim thị trường sẽ ngày càng điều kiện lấn át thị trường phim nội và chúng ta sẽ mất thị trường, mất định hướng văn hóa, chính trị, xã hội trên chính "sân chơi" của chúng ta.

3.4 Sự cần thiết phải có cơ chế đặc thù hỗ trợ NSNN cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim và sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị:

- Đến nay, nhà nước đã ban hành các cơ chế chính sách:

+ Về chiếu phim lưu động và phát hành phổ biến phim: Luật Điện ảnh quy định (Điều 34) “Nhà nước có chính sách đầu tư thiết bị chiếu phim, phương tiện vận chuyển, cấp kinh phí hoạt động cho đội chiếu phim lưu động do UBND các cấp, đơn vị lực lượng vũ trang thành lập để phục vụ chiếu phim ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ lực lượng vũ trang nhân dân”; “Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi phí buổi chiếu phim ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ lực lượng vũ trang nhân dân; bảo đảm từ 50% đến 80% chi phí buổi chiếu phim ở các vùng nông thôn cho các đội chiếu phim lưu động...”.

+ Về hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim: Theo Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó Nhà nước đặt hàng sản xuất phim truyện về đề tài thiếu nhi, truyền thống lịch sử, dân tộc thiểu số; phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình phục vụ thiếu nhi theo lộ trình: Năm 2015: đặt hàng sản xuất 8 - 10 phim truyện/năm, 12-24 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt; Đến năm 2020: đặt hàng sản xuất 10-12 phim truyện/năm; 31-41 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình.

- Từ thực trạng nêu trên cho thấy:

+ Trong những năm gần đây, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chế độ chính sách, tuy nhiên, công tác chiếu phim lưu động gặp nhiều khó khăn do không được đầu tư máy móc thiết bị số, phương tiện vận chuyển, không được cấp kinh phí mua phim... nguồn phim chủ yếu phụ thuộc vào những phim do Nhà nước đặt hàng hàng năm.

+ Mặt khác, việc phát hành và phổ biến phim ở khu vực nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và phim phục vụ nhiệm vụ chính trị chủ yếu do các Trung tâm Phát hành phim và chiếu phim, Trung tâm điện ảnh các tỉnh, thành phố đảm nhiệm thông qua hoạt động của các đội chiếu phim lưu động hoặc do các đơn vị phát hành trực thuộc quân đội đảm nhiệm. Việc phát hành phim thị trường, ăn khách chủ yếu tập trung ở các đô thị, thành phố lớn

đều do các doanh nghiệp tư nhân thực hiện. Ngoài ra, theo cam kết quốc tế khi Việt Nam gia nhập WTO, phim nhập khẩu không còn hạn ngạch, nên các doanh nghiệp có đủ điều kiện đã nhập khẩu và phát hành phim ngoại tràn lan, đã dẫn đến tình trạng tỷ lệ trình chiếu phim ngoại chiếm ưu thế, lấn át phim nội, phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

+ Mục tiêu của các doanh nghiệp sản xuất phim, phổ biến - phát hành phim là lợi nhuận, nên việc đầu tư chủ yếu được thực hiện ở các thành phố lớn và tập trung vào chiếu phim thương mại với doanh thu và lợi nhuận cao. Do vậy cần thiết phải có sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước trong việc sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị, đặc biệt là các phim về chủ quyền biển đảo, về sự phát triển đời sống vật chất, văn hóa tinh thần đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc ít người.

+ Các cán bộ, công nhân làm công tác phát hành và phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở khu vực nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn hiện chưa có chế độ đãi ngộ phù hợp, không được đào tạo kiến thức sử dụng trang thiết bị một cách bài bản, cũng như không được thường xuyên cập nhật những kiến thức mới (về chiếu phim kỹ thuật số).

+ Với những chính sách cởi mở của Luật đầu tư nước ngoài, trong một vài năm gần đây đã hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất với hàng vạn lao động tại mỗi khu công nghiệp, khu chế xuất được trải dài trên phạm vi cả nước có. Với mục tiêu lợi nhuận là trên hết, do vậy đời sống văn hóa, tinh thần của người lao động không được quan tâm, sự hiểu biết về chủ trương chính sách của người lao động hết sức hạn chế, nên đã xảy ra những vụ việc đáng tiếc trong thời gian vừa qua tại Vũng Áng, Bình Dương, ... do sự kém hiểu biết về chủ trương, chính sách của người lao động. Về lâu dài, các đội chiếu bóng lưu động sẽ trở thành một công cụ, phương tiện để lấp đi khoảng trống về đời sống văn hóa, tinh thần và tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Từ những cơ chế chính sách đã ban hành (*nhưng tính thực thi còn hạn chế*) và thực trạng, tương lai phát triển cho thấy sự cần thiết mang tính cấp bách là phải sớm ban hành "Cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và hỗ trợ sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị".

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu của Đề án

1.1. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, gồm:

- Cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Cơ chế chính sách đặc thù cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

1.2. Xây dựng và triển khai cơ chế chính sách nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị hàng năm.

- Nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (gồm các thể loại: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình).

- Nhà nước thực hiện đặt hàng sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Phạm vi đối tượng

- Các đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu phim và các Trung tâm Điện ảnh các tỉnh, thành phố làm nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ nhiệm vụ chính trị.

(Chi tiết trong **Phụ lục 4** kèm theo)

- Các đơn vị sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (đơn vị sự nghiệp hoặc Công ty TNHH MTV) thuộc các Bộ, ngành, địa phương quản lý.

III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Nội dung, giải pháp thực hiện đề án

1.1. Nội dung, giải pháp về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất:

a) Cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho một số đội chiếu phim lưu động nhằm tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, biên giới hải đảo, Nhà nước cần phải có cơ chế đầu tư trang thiết bị phù hợp cho 259 Đội chiếu phim lưu động (trên tổng số **294** đội chiếu phim lưu động) do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý và các đội chiếu phim lưu động do lực lượng quân đội quản lý (*Bộ Quốc phòng đề xuất, báo cáo với các Bộ, ngành có liên quan*). Trang thiết bị nhà nước đầu tư bao gồm:

+ Đầu tư thiết bị chiếu phim (*máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số*) cho 259 đội chiếu phim lưu động ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các vùng nông thôn khác.

+ Trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng khác cho đội chiếu phim lưu động.

- Đề khai thác, sử dụng trang thiết bị có hiệu quả, tránh lãng phí, Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công nhân làm công tác chiếu phim lưu động.

b) Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách đặc thù dưới hình thức ban hành Thông tư liên tịch về chế độ chính sách đặc thù đối với hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam dân tộc và hiện đại.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về ngân sách nhà nước hàng năm trợ giá phát hành và phổ biến phim thông qua các hoạt động: in ấn bản phim, in ấn tài liệu tuyên truyền, tổ chức các tuần phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thông qua hoạt động của các Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng và thông qua các đội chiếu phim lưu động trên phạm vi cả nước.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về Nhà nước đặt hàng thực hiện các buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, những ngày lễ, kỷ niệm sự kiện trọng đại của đất nước, phục vụ thiếu nhi, phục vụ lực lượng vũ trang và tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn theo hình thức hỗ trợ chi phí buổi chiếu phim.

1.2. Nội dung, giải pháp về cơ chế chính sách nhà nước hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị:

- Để đạt được các chỉ tiêu của Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020 (*năm 2015: sản xuất 8-10 phim truyện/năm, 12-24 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt; đến năm 2020: sản xuất 10-12 phim truyện/năm; 31-41 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình*) và những định hướng khác về văn hóa, chính trị, xã hội, kinh tế thông qua loại hình "điện ảnh", hàng năm Nhà nước bố trí kinh phí đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị, gồm:

+ Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị (*theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013*) cho các đơn vị sản xuất phim thuộc các Bộ, ngành quản lý; địa phương nếu có nhu cầu được bố trí ngân sách thực hiện đặt hàng sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

+ Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình cho các cơ sở sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý; địa phương nếu có nhu cầu được bố trí ngân sách thực hiện đặt hàng sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

- Hàng năm, ngân sách nhà nước ở Trung ương thực hiện đặt hàng sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (*được thay thế dần bằng chương trình kỹ thuật số*) phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa theo phương thức đặt hàng từ kịch bản đến sản xuất và in hàng loạt.

2. Giải pháp về bố trí nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ, đặt hàng

2.1 Nguồn kinh phí:

a) Nguồn kinh phí thực hiện cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho một số đội chiếu phim lưu động nhằm tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Bố trí kinh phí thực hiện đầu tư thiết bị chiếu phim (*máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số*), trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng khác cho đội chiếu phim lưu động (*cho các đội chiếu phim lưu động thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch; quân đội, công an nhân dân*) ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và phục vụ nhiệm vụ chính trị từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương (*kinh phí đầu tư phát triển*). Thời gian thực hiện trong 03 năm, từ 2015 đến 2017.

- Bố trí kinh phí cho đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công nhân làm công tác chiếu phim lưu động từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương (*chi thường xuyên*).

b) Nguồn kinh phí thực hiện cơ chế chính sách đặc thù cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Nguồn kinh phí triển khai thực hiện Thông tư liên tịch về chế độ chính sách đặc thù đối cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn từ nguồn ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương (*chi thường xuyên*).

- Nguồn kinh phí trợ giá phát hành và phổ biến phim để thực hiện các hoạt động in ấn bản phim, tài liệu tuyên truyền tổ chức các tuần phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thông qua hoạt động của các Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng, các đội chiếu phim lưu động trên cả nước từ nguồn ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương (*chi thường xuyên*).

- Nguồn kinh phí thực hiện đặt hàng các buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại, những ngày lễ, kỷ niệm sự kiện trọng đại của đất nước, phục vụ thiếu nhi, phục vụ lực lượng vũ trang và tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn theo hình thức hỗ trợ chi phí buổi chiếu phim từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương và địa phương (*chi thường xuyên*).

c) Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

- Nguồn kinh phí thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (*sản xuất phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình*) cho các đơn vị sản xuất phim thuộc các Bộ, ngành, địa phương từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp hàng năm ở Trung ương và địa phương (*nguồn kinh phí tài trợ, đặt hàng*).

- Nguồn kinh phí thực hiện sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (*các chương trình kỹ thuật số sẽ dần thay thế các chương trình băng hình, phim truyện video*) phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa từ nguồn ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương và địa phương (*chi thường xuyên*).

2.2 Tổng mức đề nghị đầu tư:

a) Tổng kinh phí thực hiện cơ chế đặc thù đầu tư cơ sở vật chất cho một số đội chiếu phim lưu động nhằm tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất gồm: Thiết bị chiếu phim (máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số), trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng giai đoạn 2015-2017:

+ Đội chiếu phim lưu động thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý dự kiến là 112.750 triệu đồng, chi tiết gồm:

Số TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền
1	Máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số (1 hệ thống/đội)	Hệ thống	259	250.000.000	64.750.000.000
2	Ô tô chiếu phim lưu động (1 chiếc/tỉnh)	Chiếc	50	900.000.000	45.000.000.000
3	Khác (thiết bị lồng tiếng, máy nổ, xe máy, xuồng...)				5.000.000.000
	Tổng cộng:				114.750.000.000

+ Các đội chiếu phim lưu động thuộc Bộ Quốc phòng sẽ do Bộ Quốc phòng xây dựng tổng kinh phí đầu tư thiết bị chiếu phim (máy chiếu phim lưu động kỹ thuật số), trang bị phương tiện vận chuyển cơ giới và thiết bị chuyên dụng giai đoạn 2015-2017 trình các Bộ ngành có liên quan xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ cấp kinh phí thực hiện.

- Kinh phí đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, công nhân làm công tác chiếu phim lưu động từ nguồn chi ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở Trung ương là 2 - 2,5 tỷ đồng/năm

b) Tổng kinh phí đầu tư cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị

- Kinh phí triển khai thực hiện Thông tư liên tịch về chế độ chính sách đặc thù đối cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa,

vùng khó khăn từ nguồn ngân sách sự nghiệp văn hóa thông tin hàng năm ở địa phương từ 25 - 30 tỷ đồng/năm (*đang thực hiện, nhưng chưa có sự thống nhất trong phạm vi cả nước*).

- Kinh phí thực hiện đặt hàng các buổi chiếu phim theo hình thức hỗ trợ chi phí buổi chiếu phim: Trung ương từ 5 - 10 tỷ đồng/năm; địa phương từ 5 - 10 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí thực hiện các hoạt động in ấn bản phim, tài liệu tuyên truyền tổ chức các tuần phim phục vụ nhiệm vụ chính trị: Trung ương từ 2-3 tỷ đồng/năm

c) Tổng kinh phí hỗ trợ, đặt hàng sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị (thể loại: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình).

- Kinh phí thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim truyện phục vụ nhiệm vụ chính trị: Trung ương từ 60-100 tỷ đồng/năm; địa phương từ 50-80 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí thực hiện đặt hàng sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình: Trung ương từ 25-40 tỷ đồng/năm; địa phương từ 15-20 tỷ đồng/năm.

- Kinh phí thực hiện sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (*sẽ được thay thế bằng các chương trình kỹ thuật số*) phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa: Trung ương từ 3-4 tỷ đồng/năm; địa phương từ 2-3 tỷ đồng/năm.

3. Lộ trình thực hiện

- Năm 2014-2015: Xây dựng đề án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Năm 2015-2020: Hàng năm Nhà nước bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi (*chi thường xuyên*) gồm:

+ Kinh phí đào tạo, tập huấn trang bị kiến thức, cập nhật kiến thức mới.

+ Kinh phí thực hiện đặt hàng các buổi chiếu phim.

+ Kinh phí thực hiện các hoạt động in ấn bản phim, tài liệu tuyên truyền tổ chức các tuần phim.

+ Kinh phí thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

+ Kinh phí thực hiện đặt hàng sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình.

+ Kinh phí thực hiện sản xuất các chương trình băng hình, phim truyện video (*sẽ được thay thế bằng các chương trình kỹ thuật số*).

- Năm 2015-2017: Nhà nước bố trí ngân sách hàng năm đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo theo lộ trình:

NĂM	Kinh phí đầu tư	
	Ngành VH TTDL làm chủ đầu tư	Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư
2015	30.000.000.000	Bộ Quốc phòng xây dựng riêng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất cho đội chiếu phim lưu động
2016	40.000.000.000	
2017	44.750.000.000	
Tổng cộng:	114.750.000.000	

4. Đánh giá tác động của đề án đối với đời sống kinh tế - xã hội, phục vụ nhiệm vụ chính trị

Đề án xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ nhiệm vụ chính trị khi được phê duyệt sẽ có tác động đặc biệt đối với toàn bộ các hoạt động sản xuất, phổ biến phim để thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền chủ trương chính sách, pháp luật của nhà nước, đó là:

- Cung cấp nguồn kinh phí ngắn hạn, dài hạn cho các đơn vị sự nghiệp (*thuộc phạm vi đề án*) để thực hiện việc đầu tư trang thiết bị kỹ thuật mới, đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản xuất, phổ biến phim trong nước, phù hợp với tiêu chuẩn quy chuẩn chung của quốc tế;

- Nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề của những người hoạt động điện ảnh trong lĩnh vực sản xuất và phổ biến phim, để có thể sử dụng thành thạo các trang thiết bị mới; am hiểu sâu rộng thông tin mới về công nghệ đang được các nước trong khu vực Châu Á và quốc tế thực hiện;

- Việc trang bị kỹ thuật cho các đơn vị sự nghiệp phổ biến phim cũng không nằm ngoài mục đích đưa tác phẩm điện ảnh chất lượng cao, phù hợp với thông lệ quốc tế đến với công chúng khán giả cả nước; đặc biệt tạo điều kiện lớn để trang bị lại, trang bị mới các thiết bị phổ biến phim cho các đơn vị sự nghiệp phục vụ đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu vùng xa, biên giới và hải đảo;

- Về ý nghĩa xã hội, không chỉ tác phẩm có chất lượng cao về giá trị nội dung tư tưởng, nghệ thuật, kỹ thuật được hoàn thành, đáp ứng năng lực sáng tạo của người nghệ sĩ, mà còn thể hiện được trình độ sản xuất, phổ biến phim của điện ảnh Việt Nam đã phù hợp và hội nhập quốc tế. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và dân trí được nâng cao cũng chính từ những tác phẩm đạt chất lượng cao này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Việc xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và phục vụ

nhiệm vụ chính trị đòi hỏi phải có sự tham gia phối hợp của các bộ, ngành với những giải pháp mang tính đồng bộ, hệ thống. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất tổ chức thực hiện để xây dựng hoàn thiện cơ chế như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án.
- Chỉ đạo các Bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện đề án

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Đề án;
- Chịu trách nhiệm và chỉ đạo về mặt chuyên môn đáp ứng tiêu chí về định mức kinh tế kỹ thuật ngành.
- Hàng năm thực hiện kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; kịp thời kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.
- Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan đến việc triển khai thực hiện Đề án.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính xác định nhiệm vụ và nguồn kinh phí đầu tư của Nhà nước cho điện ảnh, cân đối kinh phí và các nguồn lực khác cho Đề án.

4. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bố trí kinh phí triển khai thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng chế độ chính sách đặc thù đối cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, thẩm định tổng nguồn kinh phí, phân kỳ nguồn kinh phí giai đoạn 2015-2020 cho các nội dung thuộc Đề án liên quan đến đội chiếu phim lưu động và sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

6. Ủy ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính trong việc đánh giá, kiểm tra giám sát việc thực hiện Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và kịp thời phát hiện, đề xuất bổ sung sửa đổi những mặt còn hạn chế, thiếu sót.

- Làm tốt công tác vận động, tuyên truyền đến các đối tượng thụ hưởng là cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo hiệu và tiếp nhận chính sách ưu đãi của đề án, tránh để kẻ xấu lợi dụng.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông và Đài truyền hình Việt Nam

Chỉ đạo và làm tốt công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân, mọi thành phần kinh tế hiểu rõ chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn, biên giới hải đảo thông qua chính sách đầu tư cho một số đội chiếu phim lưu động và hỗ trợ hoạt động sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.

8. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Ra quyết định phê duyệt tổng nguồn kinh phí, phân kỳ nguồn kinh phí giai đoạn 2015-2020 cho các nội dung thực hiện Đề án ở địa phương từ nguồn kinh phí địa phương quản lý.

- Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố:

- Giúp UBND tỉnh, thành phố rà soát, thẩm định ra quyết định phê duyệt tổng nguồn kinh phí, phân kỳ nguồn kinh phí giai đoạn 2015-2020 cho các nội dung thực hiện Đề án ở địa phương từ nguồn kinh phí địa phương quản lý.

- Giúp UBND tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp, báo cáo định kỳ tình hình thực hiện hàng năm và kiến nghị đề xuất./.

PHU LỤC SỐ 1

SỐ ĐỘI CHIẾU PHIM LƯU ĐỘNG NĂM 2013

Số TT	Tỉnh, thành phố	Đội CB lưu động		Buổi chiếu		Người xem			Số điểm chiếu			
		Tổng	Nhựa	Video	Tổng	Phim NN	Phim VN	Tổng		Phim NN	Phim VN	
1	An Giang	1		1	130			130			45.972	
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	4	1	3	39	33		6	163.000		19.000	48
3	Bắc Giang	3	1	2	600			600			120.000	
4	Bắc Kạn	8	2	7	1.686			1.686			150.000	
5	Bạc Liêu	2	1	1	115			115			115.000	
6	Bắc Ninh	3	2	4	45	30		15	170		70	
7	Bến Tre	2	2	2	240			240			15.330	
8	Bình Định	10		10	2.047	83		1.964	3.906		148.626	
9	Bình Dương	6	2	6	428	20		408	4.000		99.277	
10	Bình Phước	6	2	5	906	91		815	8.214		73.923	
11	Bình Thuận	5	3	4	1.005	120		885	42.000		309.000	
12	Cà Mau	Không										
13	Cần Thơ	2	1	2	78			78			14.755	
14	Cao Bằng	9	1	8	1.020			1.020			64.773	
15	Đà Nẵng	1	1	1	315	25		290	3.780		53.970	
16	Đắk Lắk	3	17	17	930	110		820	75.000		105.000	
17	Đắk Nông	1	4	1	38			38			10.475	
18	Điện Biên	7		7	1.500	965		535	336.310		225.090	674
19	Đồng Nai	8	5	8	2.246	246		2.000	234.190		400.000	
20	Đồng Tháp	2		2	270			270			72.100	

Số TT	Tỉnh, thành phố	Đội CB lưu động			Buổi chiếu		Người xem			Số điểm chiếu
		Tổng	Nhựa	Video	Tổng	Phim NN	Phim VN	Tổng	Phim NN	
21	Gia Lai	3	3	3	720	120	600	249.667	41.667	208.000
22	Hà Giang	12	4	11	2.204		2.204	459.360		459.360
23	Hà Nam	1	2	3	100	10	90	15.500	1.500	14.000
24	Hà Nội	6	7	2	1.779		1.779	469.389		469.389
25	Hà Tĩnh	4	3	4	360		360	20.200		20.200
26	Hải Dương	3	3	3	410		410	123.000		123.000
27	Hải Phòng	2	3	5	252	7	245	88.595	3.900	84.695
28	Hậu Giang	2	2	5	58		58	56.240		56.240
29	Điện ảnh Sài Gòn	1	1	1	145	80	65	74.307	31.107	43.200
30	Hòa Bình	7	4	7	1.350		1.350	102.500		102.500
31	Hưng Yên	2	2		300		300	59.000		59.000
32	Khánh Hòa	6	4	6	1.530	116	1.414	304.068	23.098	280.970
33	Kiên Giang	3	1	2	335		335	119.660		119.660
34	Kon Tum	10	1	9	1.269		1.269	298.800		298.800
35	Lai Châu	9	6	8	1.254		1.254	192.340		192.340
36	Lâm Đồng	3	1	3	551	4	547	97.221	2.000	95.221
37	Lạng Sơn	10	3	7	1.726		1.726	135.030		135.030
38	Lào Cai	2	2	2	318		318	41.500		41.500
39	Long An	2	1	2	250		250	25.202		25.202
40	Nam Định	3	5	1	1.002	86	16	32.400	25.800	6.600
41	Nghệ An	3	1	2	314		314	31.400		31.400
42	Ninh Bình	3	3	3	506		506	161.920		161.920
43	Ninh Thuận	3	1	5	640	180	460	227.550	54.000	173.550

Số TT	Tỉnh, thành phố	Đội CB lưu động			Buổi chiếu			Người xem			Số điểm chiếu
		Tổng	Nhựa	Video	Tổng	Phim NN	Phim VN	Tổng	Phim NN	Phim VN	
44	Phú Thọ	6	6	6	1.599	99	1.500	559.650	30.459	529.191	
45	Phú Yên	5	2	4	32	6	26	102.750	12.400	90.350	
46	Quảng Bình	5	3	2	660		660		122.500	122.500	
47	Quảng Nam	9	0	9	1.500	0	1.500	450.000	0	450.000	
48	Quảng Ngãi	7	3	4	955		955	392.000		392.000	
49	Quảng Ninh	3	3	1	636		636	50.000		50.000	
50	Quảng Trị	2	2	2	359	23	336	146.000	8000	138.000	
51	Sóc Trăng	1	2	1	36		36	14.300		14.300	
52	Son La	26		26	5.962	936	5.026	1.590.200	7.020	1.583.180	3.032
53	Tây Ninh	3	1	2	264		264	56.115		56.115	176
54	Thái Bình	2	2	2	263	48	215	116.545	8.460	108.085	
55	Thái Nguyên	4	4	2	1.284		1.284	30.000		30.000	
56	Thanh Hóa	8	7	6	1.416		1.416	680.000		680.000	
57	Thừa Thiên Huế	3	3		435		435	186.697		186.697	
58	Tiền Giang	3	3	3	700		700	216.950		216.950	
59	Trà Vinh	1		1	58		58	22.040		22.040	
60	Tuyên Quang	8	3	5	1.623		1.623	446.180		446.180	
61	Vĩnh Long	1	1	1	60		60	25.000		25.000	
62	Vĩnh Phúc	3	3	3	344		344	103.200		103.200	
63	Yên Bái	6	1	5	945		945	160.500		160.500	
64	Cty TNHH ĐA HÀ NỘI	5	5		450		450	78.000		78.000	
	Tổng	294	162	270	50.592	3.438	46.254	11.723.907	1.242.481	10.726.426	3.930

Ghi chú: Trong tổng số 294 đội chiếu phim lưu động có 138 đội vừa chiếu phim nhựa và vừa chiếu phim video.

PHỤ LỤC 2

ĐẦU TƯ NSNN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ VĂN HÓA
Mục tiêu phát triển điện ảnh. khu vực phổ biến phim

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Xây dựng, cải tạo rạp		Máy chiếu phim nhựa 35mm âm thanh lập thể		Máy chiếu phim nhựa 35mm lưu động		Máy chiếu video 300 inches		Máy chiếu video 100 inches		Thiết bị lồng tiếng dân tộc		Ô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động		Đào tạo
	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
1994-2000	44	23.570	27	12.735			35	7.967	138	8.202	10	752			
2001-2005			19	9.650	85	7.650			102	5.508	02	700			
2006-2010			19	11.700	95	8.810			187	11.024	15	2.140	45	15.750	5.282
Tổng cộng	44	23.570	65	34.085	180	16.460	35	7.967	427	24.734	27	3.592	45	15.750	5.282

(Nguồn: Số liệu thống kê của Cục Điện ảnh)

Số TT	Tên đơn vị (Trung tâm PHPCB)	Tổng số đội	Thiết bị hiện có					Nhu cầu thiết bị bổ sung						
			Máy chiếu Video	MC phim nhựa	Máy nổ	Ô tô	Xe máy	Máy chiếu Video	MC KTS Full HD	Thiết bị khác	Ô tô	Xe máy		
22	HÀ NAM	1	1	2						1bộ 3D	1		1	
23	HÀ NỘI	6	2	6	6						7		4	
24	HẢI DUƠNG	3	3	3	2						3		1	
25	HẢI PHÒNG													
26	HOA BÌNH	7	6	1	1						7		1	
27	HNG YÊN	2		2	2						2		1	
28	HÀ TỈNH	4	4	2	4	1					4		1	4
29	HỒ CHÍ MINH													
30	HẬU GIANG	2	5	2							Cần		1	
31	KIÊN GIANG	3	2	1	1					2 bộ L.tiếng	3		1	
32	KHÁNH HOÀ	6	6	4	1						6 bộ		2	6
33	KON TUM	10	9	1							10 bộ		Cần	Cần
34	LAO CAI													
35	LAI CHAU	7	8	4	1						9	Máy phát điện: 8	5	16
36	LANG SON													
37	LÂM ĐỒNG	3	3		3						3		2	
38	LONG AN	2	1	1							2		1	
39	NAM ĐỊNH	3	2	5	1						3		1	
40	NINH BÌNH	3	3	3	1						4		1	
41	NGHỆ AN													
42	NINH THUẬN	3								1	1		1	
43	PHÚ THỌ	6		6	1						6		5	
44	PHÚ YÊN	5	4	1	1					2m.quay dựng	4		2	
45	QUẢNG NINH	3		3	3						3			
46	QUẢNG BÌNH	5	5		5	2				2 KTS rạp	5		1	Xe máy

Số TT	Tên đơn vị (Trung tâm PHPCB)	Tổng số đội	Thiết bị hiện có				Nhu cầu thiết bị bổ sung						
			Máy chiếu Video	MC phim nhựa	Máy nổ	Ô tô	Xe máy	Máy chiếu Video	MC KTS Full HD	Thiết bị khác	Ô tô	Xe máy	
47	QUẢNG NAM	9							9			2	5
48	QUẢNG NGÃI	7	7				4		4			4	
49	QUẢNG TRỊ	2	1	2		1		1	Cân			1	4
50	SON LA	26	26			1			1	26 máy 100inch	Kính và màn ảnh 200 inch. tăng âm TO: 60W. Loa to: 30 W. Đầu đọc HD DUNE. thiết bị lưu trữ phim 2t. máy phát điện công suất 1.5W. Ôn áp lioa 000W	2	24
51	SÓC TRĂNG												
52	THAI BÌNH	2		2		2			2	2 mquay		2	
53	THÁI NGUYÊN												
54	THANH HOÁ	9	2	7		2	23		10	1 KTS rạp	1 bộ L.tiếng	2	25
55	TUYÊN QUANG	8	5	3		1			6	Xây rạp			16
56	TÂY NINH	3	2	3					1	2			
57	TIỀN GIANG	3	3	2		1			3	1 KTS rạp		2	
58	T. THIÊN HUẾ												
59	TRÀ VINH												
60	VĨNH PHÚC												
61	VÙNG TÁU	4	4	1		3			4	2		1	
62	VĨNH LONG												
63	YÊN BÁI	6	6	3		1			1	5 + 1 L.tiếng	1 KTS + 1 HD	1	15
	CỘNG:	234	178	87	32	51	27						

Ghi chú: - Tổng số 63 Đơn vị. trong đó:
+ Đơn vị có báo cáo: 44
+ Đơn vị chưa có báo cáo: 19 (đánh dấu màu vàng)

PHỤ LỤC 4

**CÁC ĐỘI CHIẾU PHIM LƯU ĐỘNG NHẬN HỖ TRỢ
TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng	Ghi chú
1	An Giang	1	
2	Bắc Giang	3	
3	Bắc Kạn	8	
4	Bạc Liêu	2	
5	Bắc Ninh	3	
6	Bến Tre	2	
7	Bình Định	10	
8	Bình Phước	6	
9	Bình Thuận	5	
10	Cần Thơ	2	
11	Cao Bằng	9	
12	Đắk Lắk	3	
13	Đắk Nông	1	
14	Điện Biên	7	
15	Đồng Tháp	2	
16	Gia Lai	3	
17	Hà Giang	12	
18	Hà Nam	1	
19	Hà Tĩnh	4	
20	Hải Dương	3	
21	Hậu Giang	2	
22	Điện ảnh Sài Gòn	1	
23	Hòa Bình	7	
24	Hưng Yên	2	
25	Khánh Hòa	6	
26	Kiên Giang	3	
27	Kon Tum	10	
28	Lai Châu	9	
29	Lâm Đồng	3	
30	Lạng Sơn	10	
31	Lào Cai	2	

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng	Ghi chú
32	Long An	2	
33	Nam Định	3	
34	Nghệ An	3	
35	Ninh Bình	3	
36	Ninh Thuận	3	
37	Phú Thọ	6	
38	Phú Yên	5	
39	Quảng Bình	5	
40	Quảng Nam	9	
41	Quảng Ngãi	7	
42	Quảng Trị	2	
43	Sóc Trăng	1	
44	Sơn La	26	
45	Tây Ninh	3	
46	Thái Bình	2	
47	Thái Nguyên	4	
48	Thanh Hóa	8	
49	Thừa Thiên Huế	3	
50	Tiền Giang	3	
51	Trà Vinh	1	
52	Tuyên Quang	8	
53	Vĩnh Long	1	
54	Vĩnh Phúc	3	
55	Yên Bái	6	
	Tổng	259	